

Bản án số: 312/2025/HS-PT
Ngày 06 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tũu

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 92/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Chí L; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 266/2024/HS-ST ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025; đối với:

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Chí L, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2000 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Ô, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1977 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1979; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giữ ngày 14/8/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 315/LTG-CSHS-Đ4 ngày 22/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí L: Luật sư Tô Bá T –Đoàn luật sư Thành phố H, (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Trần Minh V; Đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Minh N1 là ông Phạm Minh Đ1, bà Nguyễn Ngọc P; bị hại Nguyễn Văn G;

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Minh V là Nguyễn Thị Thanh L2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972 (tên gọi khác ông T2) là bố của Nguyễn Cu Đ và Nguyễn Minh L1 bị người tên L3 (chưa rõ nhân thân lai lịch) đe dọa đánh do nợ tiền không trả. Khi đó có Nguyễn Văn G, sinh năm 2002 chứng kiến sự việc nói trên và L1 nghĩ G là người có liên quan. Sau đó, L1 kể cho Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Trọng N nghe sự việc và nhờ Tuấn A, N gọi Giàu ra để giải quyết mâu thuẫn, nếu không giải quyết được thì đánh, Tuấn A, N đồng ý. Đến khoảng 15 giờ ngày 13/8/2023, Nguyễn Tuấn A hẹn Nguyễn Văn G đến khu vực lô cao su thuộc Tổ F, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, Nguyễn Tuấn A rủ Trần Minh V cùng đi, rồi Tuấn A điện thoại cho Nguyễn Chí L ra hỗ trợ đánh nhau, V, L đồng ý.

Khi đi nhóm của G gồm G; Phạm Minh N1, sinh năm 2003; Lâm T3, sinh năm 1997; Trần Tuấn V1, sinh năm 2002; Trên đường đi G, Nhớ ghé chợ T4 mua 02 con dao (loại dao thái lan cán nhựa màu vàng) làm hung khí; Tuấn V1 cầm theo 01 cây gậy ba khúc bằng sắt; T3 cầm theo 01 cây gậy ba khúc bằng sắt.

Bên nhóm của Tuấn A gồm Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Cu Đ, Nguyễn Minh L1, Trần Minh V, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Chí L. Khi đi N điều khiển xe mô tô biển số 95B2-057.77 mang theo 01 khẩu súng Rulo bắn đạn chì, màu đen ký hiệu ZP-5 bên trong có 06 viên đạn (được N mua trên mạng của một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch với giá 2.500.000 đồng) chở theo Nguyễn Cu Đ mang theo 01 con dao rựa dài khoảng 1m, Nguyễn Tuấn A mang theo 01 khẩu súng nhựa màu đen (loại súng đồ chơi bắn bi nhựa cùng đi đến điểm hẹn để đánh nhau với nhóm của G.

Khi đến khu vực lô cao su thì giữa Tuấn A và G xảy ra cự cãi thì được anh Lê Văn P1, sinh năm 1996, người quen biết hai bên nhà gần đó ra xem thấy vậy nên đứng ra can ngăn. Trong lúc cãi nhau thì Tuấn A rút khẩu súng bắn đạn nhựa bắn vào người G, khi bị bắn G cầm dao thái lan mang theo xông vào đâm Tuấn A bị thương ở tay nên Tuấn A bỏ chạy. Nguyễn Chí L thấy Tuấn A bị đánh nên nhặt đoạn cây cao su dài khoảng 60cm chạy vào đánh N1 và G thì cùng lúc đó Lâm T3 cầm gậy ba khúc đánh L và L dùng tay đỡ được, G dùng dao đâm L bị

thương vùng lưng và vai nên L bỏ chạy. Khi thấy Tuấn A và L bị đánh Nguyễn Trọng N rút khẩu súng Rulô bắn đạn chì, bắn liên tiếp 6 phát đạn về hướng Giàu và N1. Nhó bị trúng đạn ở ngực và té gục xuống đất, G bị trúng đạn ở đùi và bụng. Cùng lúc này T3 cầm gậy ba khúc đánh liên tiếp vào đầu của Tuấn A, Tuấn V1 cầm gậy ba khúc đuổi theo đánh N làm rớt súng Rulô xuống đất. Trần Minh V đứng gần đó nhặt một đoạn cây khô dài khoảng 20cm làm hung khí để ném về hướng nhóm của G nhưng đứng xa nên không ném được. Nguyễn Minh L1 khi tham gia đánh nhau không cầm hung khí, Nguyễn Cu Đ mang theo 01 con dao rựa khi được Tuấn A rủ đi đánh nhau thì đồng ý, khi xảy ra sự việc xô xát đánh nhau thì L1 và Đ chưa kịp tham gia đánh nhóm của G.

Cả hai nhóm của Tuấn A và G thấy có người bị thương nên không đánh nhau nữa mà đưa những người bị thương đi cấp cứu. Hậu quả, Phạm Minh N1 bị trúng 01 viên đạn ở vùng ngực và tử vong, Nguyễn Văn G bị trúng 03 viên đạn ở đùi phải bị thương tích 08%; Nguyễn Tuấn A bị thương tích 05%, Nguyễn Trọng N bị thương tích 10%; Nguyễn Chí L bị thương tích 08%.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Cu Đ, Nguyễn Minh L1, Trần Minh V; Nguyễn Chí L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngày 13/8/2023, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Tuấn A đến Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận giám định tử thi số 1804/KL-KTHS ngày 19/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận nguyên nhân Phạm Minh N1 tử vong do: Ngưng tuần hoàn do vết thương thấu tim.

Tại Kết luận giám định số 0578/KLTTCT-TTPYĐN ngày 20/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận thương tích của Nguyễn Văn G: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 08%.

Tại Kết luận giám định số 6184/KL-KTHS ngày 09/10/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau: Khẩu súng gửi giám định là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc nhóm vũ khí quân dụng; 06 (sáu) vỏ đạn không phải là vũ khí quân dụng, không có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng.

Tại Bản cáo trạng số 185/CT-VKS-P2 ngày 19/8/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định truy tố bị cáo bị cáo Nguyễn Trọng N về tội “Giết người” quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại

điểm c khoản 2 Điều 304 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Nguyễn Chí L, Trần Minh V về tội “Giết người” quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Ngọc P là đại diện hợp pháp cho bị hại Phạm Minh N1 yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí mai táng và tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Nguyễn Văn G không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Các bị cáo chưa bồi thường cho bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 266/2024/HS-ST ngày 25/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Tuyên xử: Bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Giết người” và “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng; Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Nguyễn Chí L, Trần Minh V về tội “Giết người”,

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm c khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 39, 55 và 58 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Bị cáo Nguyễn Chí L 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng N; Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Trần Minh V; về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/12/2024, bị cáo Nguyễn Chí L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Chí L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Chí L mức án 13 năm tù về tội “Giết người” là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí L trình bày:* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo có tình tiết mới là đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho người bị hại mặc dù bị cáo không trực tiếp gây ra cái chết cho bị hại; theo đó bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí L làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Chí L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo L phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Xuất phát từ việc thấy Nguyễn Văn G chứng kiến ông Nguyễn Văn T1 (là bố của bị cáo Nguyễn Minh L1 và Nguyễn Cu Đ) bị người tên L3 (không rõ lai lịch) đe dọa đánh do nợ tiền không trả thì L1 nghĩ G là người có liên quan nên đã kể lại sự việc và nhờ Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Trọng N hẹn Nguyễn Văn G tại khu vực lô cao su thuộc Tổ F, phường T để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, Tuấn A rủ thêm Trần Minh V, Nguyễn Chí L cùng tham gia. Khi đi Nguyễn Trọng N điều khiển xe mô tô mang theo súng rulo và 06 viên đạn; Nguyễn Cu Đ mang theo 01 con dao rựa; Tuấn A mang theo súng nhựa màu đen (loại đồ chơi); các bị cáo Minh V, Chí L, Minh L1 đi cùng nhưng mang theo hung khí. Còn nhóm của G gồm G, Phạm Minh N1, Trần Tuấn V1 và Lâm T3; trong đó G mang theo dao thái lan, Tuấn V1 và T3 mỗi người cầm 01 ba khúc bằng sắt.

Đến khu vực lô cao su thuộc Tổ F phường T hai nhóm xảy ra cự cãi; sau đó Tuấn A dùng súng nhựa bắn vào người G, bị bắn G dùng dao đâm Tuấn A; thấy Tuấn A bị đánh thì Chí L nhặt đoạn cây cao su dài 60cm chạy vào đánh N1 và G; cùng lúc Lâm T3 cầm gậy ba khúc đánh L còn G dùng dao đâm vào lưng của L. Thấy Tuấn A và L bị đánh thì Nguyễn Trọng N dùng súng rulo bắn liên tiếp 06 phát về hướng của G và N1. Cùng thời điểm này, Lâm T3 dùng gậy ba khúc đánh liên tiếp vào đầu Tuấn A; Tuấn V1 dùng gậy ba khúc đánh N làm rớt súng rulo; Minh V nhặt cây khô ném về phía G nhưng không trúng.

Hậu quả Phạm Minh N1 tử vong, Nguyễn Văn G bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ thương tật là 08%, Nguyễn Trọng N 10%, Nguyễn Tuấn A 05%, Nguyễn Chí L 08%.

Với hành vi và hậu quả nêu trên; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội “Giết người” và “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm c khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015; Các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Nguyễn Chí L, Trần Minh V phạm tội “Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn G, Lâm T3, Trần Tuấn V1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên xử về tội “Cố ý gây thương tích”.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí L:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo L mới nghe bị cáo Nguyễn Tuấn A rủ đi đánh nhóm của G thì đã hưởng ứng nhiệt tình, chờ nhau đi tìm đánh bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, hiếu thắng, xem thường pháp luật. Do đó cần xử bị cáo mức án tương xứng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội đặc biệt là nhóm thanh niên trẻ tuổi.

Xét, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cụ thể: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại có một phần lỗi theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 13 năm tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Chí L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Chí L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Trần Minh V; về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 266/2024/HS-ST ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Chí L 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”; thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Chí L phải nộp 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Minh L1, Nguyễn Cu Đ, Trần Minh V; về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai (2B);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- TTG Công an tỉnh Đồng Nai;
- (để tổng đạt cho các bị cáo (2)
- Lưu VT (5), HS (2) 17b (Án - TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh